

Bản án số: 85 /2020/DS - PT

Ngày: 18/8/2020

V/v: Tranh chấp tiền phường (Họ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Vinh
Bà Phạm Thị Minh Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Do bản án số 33/2020/DS- ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH có kháng cáo.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLPT- DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp tiền phường. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXPT - DS ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1992 (Chị T vừa sinh con và có đơn xin xét xử vắng mặt) và ủy quyền cho anh Ngô Văn M- anh M có mặt).

Nơi cư trú: thôn GN, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1961 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn GN, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn M - sinh năm 1992 (có mặt)

2. Ông Ngô Văn Th - sinh năm 1949(có mặt)

Nơi cư trú: thôn GN, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai Phía nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Vợ chồng chị và bà Th có quan hệ là người cùng làng và vợ chồng chị cũng tin tưởng vợ chồng bà Th là những người công chức về hưu nên từ đầu năm 2019 vợ chồng chị đã tham gia chơi hai bát phường với vợ chồng bà Th, một bát mỗi tháng đóng 2.000.000đ và một bát mỗi tháng đóng 5.000.000đ. Khi

thời hạn lấy phưởng của chị chưa đến nhưng chị biết thông tin là nhà bà Th không có khả năng thanh toán thì chị đã đến nhà bà Th thì bà Th có thông báo với chị là bà Th không làm chủ phưởng nữa nên chị và bà Th đã cùng nhau chốt sổ của hai dây phưởng thì được tổng số tiền là 48.400.000đ. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2019, bà Th có trả cho vợ chồng chị được 5.000.000đ. Nay chị xác nhận bà Th còn nợ lại vợ chồng chị 43.400.000đ, chị đã đòi tiền bà Th nhiều lần nhưng bà Th không trả tiền cho vợ chồng chị. Nay chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bà Ngô Thị Th và ông Ngô Văn Th phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số tiền là 43.400.000đồng và chị không yêu cầu Tòa án phải tính lãi số tiền trên cho chị.

Trong các biên bản ghi lời khai, hòa giải và biên bản làm việc tại Tòa án phía bị đơn là Bà Ngô Thị Thhh trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về số tiền nợ và việc bà và vợ chồng Chị T có chơi phưởng cùng nhau là đúng. Thời hạn lấy phưởng của vợ chồng Chị T chưa đến nhưng do bà không làm chủ phưởng nữa nên đã chốt nợ với Chị T để trả dần cho vợ chồng Chị T. Do bà không có tiền trả nợ cho vợ chồng Chị T nên ngày 01/9/2019, một số người là những người đã cùng chơi họ với bà trong đó có chị Nguyễn Thị T đã đến nhà bà đe dọa ép buộc vợ chồng bà phải ký giấy cam kết giữ đất và ngày 02 tháng 12 năm 2019, thì những người chơi phưởng cũng ép buộc vợ chồng bà phải viết cam kết thỏa thuận xây tường ngăn đất của gia đình bà để nhằm buộc vợ chồng bà phải bán đất và giữ đất cho họ là để trừ đi số tiền phưởng mà bà còn nợ lại họ nhưng chưa thanh toán được. Sự việc này đã được gia đình bà trình báo tại Công an xã MĐ, huyện HH tỉnh Bắc Giang. Nay chị Nguyễn Thị T khởi kiện bà và ông Th phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng Chị T bà không nhất trí, bà đề nghị Tòa án chỉ buộc một mình bà phải có trách nhiệm trả tiền cho Chị T mà thôi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Ngô Văn Th là chồng của Bà Ngô Thị Thhh trình bày: Ông không biết việc bà Th tham gia chơi phưởng cùng vợ chồng chị Nguyễn Thị T, khi chị Nguyễn Thị T và một số người khác đến nhà ông đòi tiền ông mới biết. Ông không nhất trí việc Chị T yêu cầu ông và bà Th phải cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng Chị T số tiền là 43.400.000đ vì ông và bà Th tuy vẫn có quan hệ vợ chồng với nhau nhưng do điều kiện gia đình từ năm 2010 sau khi nghỉ hưu ông đã về nhà mẹ để để chăm sóc mẹ ông, còn bà Th vẫn ở trên nhà và đất của bố mẹ ông. Do hai vợ chồng ở riêng nên ông không biết việc làm ăn của bà Th, đến khi mọi người đến nhà đòi tiền ông mới biết. Khi bà Th không có tiền trả cho những người chơi phưởng thì họ đến nhà ông để ép buộc vợ chồng ông phải viết giấy giữ đất và bán đất để trả nợ cho họ. Việc ông và bà Th ký vào các giấy tờ theo yêu cầu của họ là do ông sợ vì họ đe dọa và sợ bị họ giết hại nên ông buộc phải ký vào giấy đó, sự việc gia đình ông đã trình báo cho Công an xã MĐ. Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ông phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Th trả cho vợ chồng Chị T 43.400.000đồng ông không nhất trí vì bà Th làm ăn riêng, ông

không biết tiền bạc của bà Th và bà Th cũng không mang tiền của bà Th về để kiến thiết cho gia đình ông.

Anh Ngô Văn M trình bày: Tại phiên toà hôm nay vợ anh là chị Nguyễn Thị T mới sinh em bé và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh và chị Nguyễn Thị T cùng thống nhất chơi phường nhà bà Th vì tin tưởng bà Th là chủ phường đã lâu và bản thân gia đình bà Th tại địa phương là những người đứng đắn. Vợ chồng anh đã chơi hai bát phường với bà Th là đúng. Hiện nay số tiền chót còn nợ lại phường mà bà Th đã xác nhận với chị Nguyễn Thị T anh hoàn toàn nhất trí và anh đề nghị Bà Ngô Thị Thhh và ông Ngô Văn Th phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có ý thức chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của bà Th và ông Th; sửa một phần bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Th, buộc bà Th phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Xét kháng cáo của bà Th, ông Th. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại thời điểm Tòa án xét xử thì bà Th và ông Th vẫn có quan hệ vợ chồng và vợ chồng Chị T, anh M là người cùng làng thường xuyên đến nhà đòi tiền ông Th cũng biết. Hơn nữa, khi sự việc bà Th không có khả năng thanh toán cho những người chơi phường, ngày 01/9/2019 ông Th có đứng ra cùng bà Th đồng ý viết "Giấy cam kết giữ đất" với nội dung thể hiện ông Th và bà Th hẹn các ông bà tại thôn GN (Trong đó có chị Nguyễn Thị T) đến ngày 30/11/2019 sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền phải trả cho những người chơi phường nếu không trả được đúng hẹn thì sẽ đồng ý trả bằng đất mà ông bà đang ở cho những người chơi phường, đến hẹn ông Th và bà Th không trả tiền được thì ngày 02/12/2019, ông Ngô Văn Th còn tiếp tục ký giấy cam kết xây tường ngăn đất cho các ông bà mà ông đã ký giấy cam kết giữ đất trước đó. Việc bà Th làm chủ phường (họ) với mục đích được hưởng tiền (áp cái, hưởng hoa hồng) là một loại hình làm kinh tế mà trong thời kỳ hôn nhân thì đây là kinh tế chung của vợ chồng, số tiền bà Th được hưởng lợi thì khi bà Th sống chung cùng ông Th đã được gia đình sử dụng và chi tiêu chung. Khi những người chơi phường đến nhà ông Th và bà Th đề yêu cầu thì ông Th cũng đồng ý trả nợ cùng bà Th khi viết giấy hẹn trả và có cam kết không đúng hẹn thì đồng ý giao đất của gia đình cho những người chơi phường. Như vậy; Tòa án đã căn cứ vào tính chất của vụ án và các quy định của pháp luật buộc ông Th phải có trách nhiệm cùng bà Th trả tiền cho

vợ chồng chị Nguyễn Thị T số tiền 43.400.000đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án đã tuyên về lãi suất chậm thi hành án 10% năm là không đúng theo hướng dẫn tại nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mà phải tuyên là kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; vấn đề này yêu cầu cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về án phí: Bà Th và ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí mà đương sự phải có nghĩa vụ nộp trong vụ án này là 2.170000đ, trong đó ông Th và bà Th mỗi người phải chịu 1.085.000đ. Tuy nhiên, do ông Th là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí, chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm hoàn trả số tiền tạm ứng án án phí đã nộp cho Chị T. Buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn Th và Bà Ngô Thị Thhh, Giữ nguyên bản án Dân sự số 33/2020/DS- ST ngày 23/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện HH.

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 275, 280, 288, 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về “Họ, họ, họ, họ, họ, họ”; Điều 12, 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, buộc vợ chồng Bà Ngô Thị Thhh và ông Ngô Văn Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn M số tiền nợ Phường(Họ) là: 43.400.000đ(Bốn mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Án phí: Bà Ngô Thị Thhh phải chịu 1.085.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (xác nhận bà Th đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm), ông Ngô Văn Th được miễn nộp án phí DSST và án phí DSPT.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền 1.210.000đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu số 0003535 ngày 08/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Bắc Giang;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND huyện HH;

- Cục THADS tỉnh BG;

- Các đương sự;

- Lu HS, VP.

Đặng Văn Quyết